



DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM

(Kèm theo Tờ trình số 1760 /TTr-UBQLV ngày 15/12/2023
của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)

- Phụ lục 1: Tờ trình tóm tắt.
- Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.
- Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 04/4/2023 của TKV về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.
- Văn bản số 6105/TKV-KCL ngày 13/12/2023 của TKV về việc xin điều chỉnh, hoàn thiện một số nội dung so với Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 04/4/2023 đề nghị phê duyệt Chiến lược phát triển TKV.



PHỤ LỤC TỜ TRÌNH TÓM TẮT

(Kèm theo Tờ trình số 760 /TTr-UBQLV ngày 15/12/2023
của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp)

Dự thảo Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045

Kính gửi: Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà;
Đồng kính gửi: Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo).

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban) đã chỉ đạo Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) xây dựng, hoàn thiện dự thảo Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 (Chiến lược phát triển TKV). Ủy ban tổng hợp, báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TKV

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, ngày 20/01/2021, Ủy ban đã có văn bản số 106/UBQLV-NL yêu cầu TKV xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. TKV đã tiến hành xây dựng Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, trình Ủy ban tại văn bản số 1450/TTr-TKV ngày 04/4/2023.

Sau khi xem xét, Ủy ban đã có văn bản số 1208/UBQLV-NL ngày 23/6/2023 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị thẩm định Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045. Đến nay, Ủy ban chưa nhận được thông báo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trên cơ sở Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1263/QĐ-TTg. Ngày 13/12/2023, TKV có văn bản số 6105/TKV-KCL báo cáo, cập nhật, hoàn thiện một số nội dung so với Tờ trình số 1450/TTr-TKV ngày 04/4/2023.

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TKV

II.1. Quan điểm của Chiến lược phát triển TKV

- Phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) thành Tập đoàn kinh tế mạnh, đóng góp vai trò quan trọng vào sự phát triển của kinh tế nhà nước; là một trong ba trụ cột đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

Tập đoàn hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế để làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật.

- Phát triển đồng bộ và hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu các ngành, nghề kinh doanh chính: Công nghiệp than; khoáng sản - luyện kim; điện lực; vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) và các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; ngành nghề do TKV đang đầu tư vốn kinh doanh; các ngành nghề được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung theo điều lệ tổ chức hoạt động của Tập đoàn được Chính phủ ban hành.

- Đảm bảo hài hoà giữa thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội được Chính phủ giao và hoạt động sản xuất kinh doanh của TKV. Phát triển TKV bền vững theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; hài hòa giữa khai thác sử dụng tài nguyên và trách nhiệm bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đẩy nhanh các hoạt động thăm dò, đánh giá tài nguyên, trữ lượng than - khoáng sản của TKV được giao quản lý để chuẩn bị nguồn tài nguyên tin cậy cho đầu tư phát triển bền vững ngành than và ngành khoáng sản - luyện kim, đáp ứng đủ và kịp thời cho nhu cầu khai thác và sử dụng của nền kinh tế. Khai thác, chế biến than - khoáng sản theo định hướng đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại; tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; phát thải các - bon thấp và thân thiện môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài; hướng tới mục tiêu trung hoà các - bon vào năm 2050. Khai thác khoáng sản gắn với chế biến sâu khoáng sản nhằm gia tăng chuỗi giá trị, tạo ra sản phẩm có hiệu quả kinh tế cao; bảo đảm an ninh, quốc phòng, chủ quyền quốc gia.

- Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu TKV với mô hình kinh doanh và tổ chức hiệu quả, gọn nhẹ, chuyên môn hóa cao. Phát triển sản xuất kinh doanh bền vững gắn với mục tiêu phát triển con người, xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp có trình độ chuyên môn và kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm và kỷ luật lao động; đảm bảo đời sống và quyền lợi, cơ hội phát triển cho người lao động. Tăng cường hợp tác quốc tế, chuyển đổi nghề nghiệp; quản trị doanh nghiệp hiện đại, áp dụng các mô hình đạt chuẩn mục quốc tế để nâng cao năng lực cạnh tranh và phù hợp với công cuộc phát triển đất nước, các cam kết và hội nhập sâu rộng của Việt Nam với khu vực và thế giới.

- Nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư ra nước ngoài để khai thác, nhập khẩu than - khoáng sản đáp ứng nhu cầu nền kinh tế (đặc biệt là những chủng loại than Việt Nam phải nhập khẩu). Xuất khẩu than - khoáng sản trên cơ sở cân đối hiệu quả đầu tư khai thác, chế biến; nhu cầu sử dụng của nền kinh tế quốc dân. Đầu tư phát triển và duy trì ổn định lâu dài các dự án khai thác, chế biến than và khoáng sản. Đẩy mạnh phát triển ngành khai thác bô - xít, chế biến alumin và luyện nhôm; khai thác và chế biến sắt, titan, đất hiếm để đảm bảo phát triển TKV cân bằng, phù hợp với tình hình mới.

II.2. Mục tiêu của Chiến lược phát triển TKV

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng và phát triển TKV trở thành Tập đoàn kinh tế mạnh, kinh doanh bền vững, hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn sở hữu nhà nước đầu tư tại TKV và vốn của TKV đầu tư vào các doanh nghiệp khác; có năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực; vững mạnh về tài chính; mô hình tổ chức, quản lý, quản trị hiện đại và chuyên môn hóa cao, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa (CGH), tự động hóa (TĐH) và chuyển đổi số (CĐS); phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phát huy truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”; từng bước thực hiện đổi mới, sáng tạo; giữ vai trò chủ đạo trong việc sản xuất và cung ứng than, khai thác - chế biến, kinh doanh khoáng sản bô xít, đồng, chì-kẽm, sắt, titan, đất hiếm v.v.; sản xuất, kinh doanh dựa trên nền tảng ngành, nghề kinh doanh chính và các ngành, nghề liên quan theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn.

- Phấn đấu đến năm 2030 trở thành Tập đoàn kinh tế có quy mô trung bình, đến năm 2045 trở thành Tập đoàn kinh tế quy mô lớn trong khu vực Đông Nam Á.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về công nghiệp than

- Giai đoạn 2021 - 2030: Sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu đến 20 triệu tấn/năm; xuất khẩu khoảng 1 - 3 triệu tấn/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Duy trì sản lượng than thương phẩm sản xuất trong nước 35 - 40 triệu tấn/năm; nhập khẩu tăng đến trên 20 triệu tấn/năm và sau đó giảm dần theo nhu cầu thị trường trong nước; xuất khẩu khoảng 3 - 5 triệu tấn/năm.

2.2. Về công nghiệp khoáng sản - luyện kim

a. Giai đoạn 2021 - 2030:

- Sản phẩm từ quặng bô xít: alumin 1,4 - 1,6 triệu tấn/năm; phấn đấu đạt 4 triệu tấn/năm trước năm 2035.

- Sản phẩm từ quặng titan: tinh quặng ilmenit 160 ngàn tấn/năm; xỉ titan: 50 - 100 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 15 - 35 ngàn tấn/năm; pigment: 50 - 100 ngàn tấn/năm; titan xộp/titan kim loại: 10 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi: 12 - 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi: 5 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt: 270 ngàn - 6 triệu tấn/năm (trong đó dùng trong sản xuất phôi thép 390 ngàn - 4 triệu tấn/năm); phôi thép: 200 ngàn - 2.220 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng thiếc: phấn đấu đạt 300 tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom phấn đấu đạt 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng đồng: đồng catot 18,2 - 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi 664 - 940 kg/năm; bạc thỏi 670 - 1.150 kg/năm).

- Quặng đất hiếm: quặng tinh đất hiếm ($TR_2O_3 \geq 30\%$): 30 - 80 ngàn tấn/năm.

b. Giai đoạn 2031 - 2045:

- Sản phẩm từ quặng bô xít: alumin 4,0 - 8,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho điện phân nhôm khoảng 1,0 - 2,0 triệu tấn/năm); nhôm thỏi: 0,5 - 1,0 triệu tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng titan: xỉ titan 100 - 150 ngàn tấn/năm; zircon siêu mịn: 30-60 ngàn tấn/năm; pigment: 100 - 150 ngàn tấn/năm; titan xốp/titan kim loại: 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng chì - kẽm: kẽm thỏi: 15 ngàn tấn/năm; chì thỏi: 5 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng sắt: tinh quặng sắt 7,0 - 10,0 triệu tấn/năm (trong đó dùng cho sản xuất phôi thép khoảng 4, 0 triệu tấn/năm); phôi thép: 2.220 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng thiếc: thiếc thỏi 300 tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng cromit: ferocrom 20 ngàn tấn/năm.

- Sản phẩm từ quặng đồng: đồng tấm ≥ 30 ngàn tấn/năm và các sản phẩm đi kèm (vàng thỏi ≥ 940 kg/năm; bạc thỏi ≥ 1.150 kg/năm).

- Quặng đất hiếm: tổng oxit đất hiếm/ô xít đất hiếm riêng rẽ ($TR_2O_3/REO \geq 95-99\%$): 20 - 30 ngàn tấn/năm.

2.3. Công nghiệp điện

- Giai đoạn 2021 - 2030: đầu tư dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương II để nâng tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện của TKV lên 1.845 MW; sản lượng điện phát: 10 - 11 tỷ kWh/năm; nghiên cứu công nghệ chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than...

- Giai đoạn 2031 - 2045: phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch để tự cung, phù hợp với phát triển công nghiệp nhôm tại Tây Nguyên; tối đa hóa chuỗi giá trị dịch vụ phát điện - sửa chữa - cung cấp, thay thế phụ tùng thiết bị; nghiên cứu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than hiện có theo lộ trình phù hợp...

2.4. Vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất

- Giai đoạn 2021 - 2030: sản lượng thuốc nổ 75.000 - 61.000 tấn/năm (giảm dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 172.000 - 205.000 tấn/năm; amoniac 100.000 - 150.000 tấn/năm (sau năm 2025).

- Giai đoạn 2031 - 2045: sản lượng thuốc nổ 61.000 - 50.000 tấn/năm (giảm

dần theo nhu cầu thị trường); sản lượng amoni nitrat và tiền chất thuốc nổ khác 205.000 tấn/năm; amoniac 200.000 - 300.000 tấn/năm.

2.5. Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính

- Công nghiệp cơ khí: Đẩy mạnh chế tạo thiết bị mỏ, tiến đến chủ động được đa số các thiết bị, phụ tùng cho các thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến (sàng - tuyển) than và khoáng sản.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Duy trì sản lượng sản xuất vật liệu xây dựng, nghiên cứu đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng xanh từ các nguồn xít thải nhà máy tuyển than, tro xỉ nhà máy nhiệt điện và chất thải rắn của quá trình khai thác than, khoáng sản phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế tuần hoàn.

- Các ngành nghề khác: Cung cấp dịch vụ xây lắp mỏ, xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông; thăm dò, khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, thí nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo; dịch vụ cảng biển, kho bãi, logistics; dịch vụ y tế khám chữa bệnh nghề nghiệp...

2.6. Mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận

a. Doanh thu:

- Giai đoạn 2021 - 2030 là: 130 - 200 ngàn tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045 là: 200 - 300 ngàn tỷ đồng/năm, bình quân tăng 5%/năm.

b. Lợi nhuận:

- Giai đoạn 2021 - 2030 là: 3,5 - 6 ngàn tỷ đồng/năm.

- Giai đoạn 2031 - 2045 là 6 - 7 ngàn tỷ đồng/năm.

II.3. Các giải pháp thực hiện

Chiến lược phát triển TKV đã đưa ra 03 nhóm giải pháp khác nhau để đảm bảo thực hiện tốt Chiến lược sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gồm:

1. Nhóm giải pháp thực hiện các đột phá chiến lược

- Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn (KTTH) phù hợp với mô hình kinh doanh và tổ chức quản lý của Tập đoàn TKV

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, nghiên cứu và ứng dụng KHCN&ĐMST

2. Nhóm giải pháp chung

- Giải pháp về thị trường.

- Giải pháp về đầu tư.

- Giải pháp về phát triển nguồn vốn và nâng cao tiềm lực tài chính.

- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

- Giải pháp về chuyển dịch năng lượng công bằng.

- Giải pháp về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Giải pháp về tái cơ cấu và cổ phần hóa.
- Giải pháp về hợp tác và hội nhập quốc tế.

3. Nhóm giải pháp cụ thể phát triển sản xuất kinh doanh

- Giải pháp phát triển công nghiệp than.
- Giải pháp về phát triển công nghiệp khoáng sản - luyện kim.
- Giải pháp về phát triển công nghiệp điện.
- Giải pháp về phát triển vật liệu nổ công nghiệp, hóa chất.

II.4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban và các bộ ngành: căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và theo dõi việc thực hiện Chiến lược phát triển của TKV; đồng thời kịp thời chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến việc thực hiện Chiến lược.

2. Các địa phương: Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện thuận lợi cho TKV triển khai các dự án và các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn để hoàn thành mục tiêu Chiến lược, góp phần đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức phối hợp triển khai thực hiện Chiến lược, cập nhật và điều chỉnh các quy hoạch liên quan của địa phương để tránh chồng lấn với các quy hoạch phát triển của địa phương với các đề án thăm dò, dự án khai thác mỏ của TKV đã có trong quy hoạch tổng thể năng lượng tạo điều kiện huy động tối đa tài nguyên nhằm đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và phát triển các ngành công nghiệp trong nước; chủ trì, phối hợp với TKV thực hiện công tác đền bù - giải phóng mặt bằng, di dân - tái định cư, đảm bảo đủ quỹ đất cho các dự án của TKV trên địa bàn.

3. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

- Trên cơ sở Chiến lược phát triển TKV và Quy hoạch các ngành liên quan được phê duyệt, xây dựng các kế hoạch dài hạn tới năm 2030 và kế hoạch hàng năm phù hợp để thực hiện có hiệu quả và đạt được các mục tiêu đề ra trong Chiến lược và Quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Đối với các kỳ kế hoạch, triển khai các giải pháp cụ thể về nguồn lực, kiện toàn cơ cấu tổ chức, phân công chỉ đạo và phối hợp thực hiện giữa các đơn vị thành viên, kiểm tra - giám sát quá trình thực hiện; thực hiện định kỳ việc đánh giá và điều chỉnh kịp thời để đạt được các mục tiêu và định hướng phát triển của Chiến lược.

- Tập trung thực hiện khẩn trương và quyết liệt việc tái cơ cấu TKV, đảm bảo mô hình kinh doanh và tổ chức của TKV có tính hiện đại và chuyên môn hóa cao, gọn nhẹ và hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tình hình thực hiện Chiến lược phát triển TKV; đề xuất kịp thời việc sửa đổi, điều chỉnh Chiến lược để đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

III. Ý KIẾN CỦA ỦY BAN VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TKV

Đối với nội dung cụ thể của Chiến lược phát triển TKV, Ủy ban có ý kiến như sau:

III.1. Về bố cục, nội dung của Chiến lược

Bố cục, nội dung Chiến lược phát triển TKV phù hợp với Nghị Quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kết luận số 31-KL/TW ngày 07/3/2022 của Bộ Chính trị về định hướng phát triển ngành công nghiệp Bôxít - Alumin - Nhôm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 334/QĐ-TTg ngày 01/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và hướng dẫn của Ủy ban tại văn bản số 106/UBQLV-NL ngày 29/01/2021 về việc xây dựng chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và sản xuất kinh doanh TKV giai đoạn 2021 - 2025.

III.2. Về căn cứ lập Chiến lược

Chiến lược phát triển TKV được lập phù hợp với các quy định của pháp luật; các nghị quyết của Bộ Chính trị, của Quốc hội, của Chính phủ; phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng miền... và các quy định có liên quan khác.

III.3. Về các nội dung của Chiến lược

Qua xem xét nội dung hồ sơ Chiến lược phát triển TKV, Ủy ban cho rằng các căn cứ để xây dựng Chiến lược phát triển Tập đoàn là có cơ sở và hợp lý. TKV đã bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư, nhu cầu thị trường và tình hình tiêu thụ sản phẩm trong các năm vừa qua và dự báo nhu cầu thị trường, khả năng tiêu thụ sản phẩm để từ đó xây dựng được kịch bản tổng thể, phản ánh đầy đủ các mục tiêu chiến lược về sản xuất kinh doanh, tài chính, đầu tư, lao động... đến năm 2030, định hướng đến năm 2045, làm cơ sở đề xuất lộ trình cụ thể triển khai thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển Tập đoàn. Các mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển TKV phù hợp với dự báo thị trường, khả năng tiêu thụ sản phẩm trong thời gian tới và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan, đặc biệt là: Quy hoạch tổng thể năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

V. KIẾN NGHỊ CỦA ỦY BAN

Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 được xây dựng với cấu trúc gồm 6 chương, đã phân tích một cách cụ thể sự cần thiết phải lập Chiến lược; đánh giá chi tiết những thành tựu nổi bật đạt được trong quá trình thực hiện các nội dung của “Chiến lược phát triển bền vững Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn tới năm 2030”. Đề án đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế và làm rõ những nguyên nhân của những hạn chế này để làm cơ sở cho việc xây dựng Chiến lược phát triển TKV cho giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, Đề án đã phân tích và nhận diện được nhiều cơ hội, thách thức đối với sự phát triển của TKV trong giai đoạn tới để đưa ra các quan điểm, mục tiêu chiến lược trong phát triển và xây dựng Tập đoàn; đề xuất các định hướng chiến lược phát triển ngắn hạn với một số chỉ tiêu cụ thể, đồng thời đề ra các giải pháp thực hiện Chiến lược và cách thức tổ chức thực hiện.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp kính đề nghị Phó Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược phát triển Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 với các nội dung chính như *dự thảo Quyết định kèm theo*.